

Số: 652/BC-BDT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ban Dân tộc xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030; bao gồm những nội dung sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 18/11/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐND về Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2030”; Nghị quyết gồm 02 chính sách:

1. Chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư, tiêu thụ nông sản để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chính sách khoán bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư, tiêu thụ nông sản để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số

Ban Dân tộc đã chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ miền núi phối hợp với các địa phương triển khai kịp thời và hiệu quả..

Đối với Chính sách khoán bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND đã quy định khối lượng thực hiện giao khoán là 1.304 hộ/50.099,4 ha, bình quân hạn mức diện tích rừng nhận khoán bảo vệ là 38,42 ha/hộ, đây là mức khoán được thực hiện theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/5/2001 của Tỉnh ủy và thực hiện đến năm 2022 là hết thời gian khoán bảo vệ rừng theo hồ sơ đã được phê duyệt.

Từ năm 2023 trở đi lập hồ sơ phê duyệt thiết kế lại, với hạn mức không quá 30 ha/hộ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đã làm chênh lệch (tăng 356 hộ) so với số hộ được phê duyệt tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 322/HĐND-CTHĐ về việc cho ý kiến số hộ chênh lệch (tăng 356 hộ) so với số hộ được phê duyệt tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; theo đó có nêu “*Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND để trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất*”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3123/VP-KT ngày 03/7/2023; theo đó, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài Chính và các sở ngành, địa phương có liên quan khẩn trương nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại công văn nêu trên.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Việc xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh với hệ thống pháp luật; làm cơ sở để thực hiện việc phân khai kinh phí khoán bảo vệ rừng hàng năm theo đúng quy định.

- Việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND phải tuân thủ đúng các nguyên tắc, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai.

- Góp phần xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư, tiêu thụ nông sản để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Giữ nguyên.

2. Chính sách khoán bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Việc tăng số hộ nhận khoán bảo vệ rừng do lập lại hồ sơ thiết kế theo hạn mức mới, cụ thể: Tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đã quy định khối lượng thực hiện giao khoán là 1.304 hộ/50.099,4 ha, bình quân hạn mức diện tích rừng nhận khoán bảo vệ là 38,42 ha/hộ, đây là mức khoán được thực hiện theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/5/2001 của Tỉnh ủy và thực hiện đến năm 2022 là hết thời gian giao khoán bảo vệ rừng theo hồ sơ đã được phê duyệt.

- Từ năm 2023 trở đi lập hồ sơ phê duyệt thiết kế lại, với hạn mức không quá 30 ha/hộ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đã làm chênh lệch (tăng 356 hộ) so với số hộ được phê duyệt tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

- Nội dung nguồn kinh phí tại Điều 5 cần sửa đổi để thuận lợi cho việc tham mưu UBND tỉnh phân khai kinh phí hàng năm.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo chính sách ban hành được chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, thuận lợi trong triển khai thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng giao thẩm quyền để UBND tỉnh quyết định tăng, giảm số hộ nhận khoán bảo vệ rừng cụ thể trên cơ sở hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo hạn mức khoán theo quy định pháp luật hiện hành (*theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 322/HĐND-CTHD*).

- Điều chỉnh việc giao dự toán hàng năm cho cơ quan chuyên môn trực tiếp thực hiện chính sách.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Bãi bỏ phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 và Điều 5 phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

a) Giải pháp 2: Sửa đổi phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 và Điều 5 phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1: Bãi bỏ phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 và Điều 5 phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

a) Tác động tích cực: Hàng năm trên cơ sở đề xuất của Liên sở, Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai kinh phí thực hiện chính sách.

b) Tác động tiêu cực: Nghị quyết ban hành không thể hiện cụ thể địa bàn được thụ hưởng chính sách.

2.4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 và Điều 5 phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

a) Tác động tích cực: Nếu thực hiện theo giải pháp này sẽ xác định được cụ thể địa bàn được thụ hưởng chính sách.

- Tác động về kinh tế: Tập trung huy động cao nhất mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế để hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phát triển toàn diện dân sinh, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững hơn. Thông qua việc duy trì ổn định thực hiện giao khoán quản lý, bảo vệ rừng; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho các hộ tham gia nhận khoán bảo vệ rừng; tình trạng phá rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép ảnh hưởng môi trường sinh thái đã được hạn chế; nâng cao nhận thức trách nhiệm của nhân dân đối với công tác bảo vệ phát triển rừng; quản lý có hiệu quả tài nguyên rừng.

- Tác động về xã hội: Giúp các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển, nâng cao ý thức chủ động vượt khó, vươn lên trong cuộc sống, khắc phục tâm lý trông chờ ỷ lại.

- Tác động về giới: Nội dung chính sách đảm bảo bình đẳng giới, không làm phát sinh những vấn đề giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính. Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tiếp tục kế thừa chính sách đã ban hành; không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện nay.

b) Tác động tiêu cực: Không có, vì không ảnh hưởng đến nguồn kinh phí thực hiện.

2.5. Kiến nghị giải pháp chọn lựa

a) Đề nghị lựa chọn giải pháp: Qua so sánh 02 (hai) phương án trên nhận thấy phương án thứ 2 là phương án là phương án phù hợp. Do đó đề xuất lựa chọn phương án 2.

b) Cơ quan ban hành chính sách: Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. LẤY Ý KIẾN

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc đã dự thảo các văn bản về lập đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Bao gồm: Tờ trình của Ban Dân tộc trình UBND tỉnh; báo cáo đánh giá tác động của chính sách; báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách; dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh) kèm Công văn số/BDT-NV ngày .../7/2023 lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị đăng tải toàn văn các dự thảo trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, địa phương gửi về, Ban Dân tộc rà soát, hoàn chỉnh dự thảo, có Công văn số/BDT-NV ngày .../.../2023 tổng hợp, giải trình việc tiếp thu ý kiến (Có bản phô tô kèm theo) và Công văn số .../BDT-NV ngày .../.../2023 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định theo quy định.

Qua ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số .../STP-NV1 ngày .../.../2023 (Có bản phô tô kèm theo), Ban Dân tộc tiếp thu và đã chỉnh lý lại các dự thảo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện chính sách.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp giám sát, phản biện chính sách

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ban Dân tộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, NV (Điện).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Hồ Thị Kim Lệ